

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Vui

Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Các hội thẩm nhân dân:- Ông Hoàng Văn Cường;

- Ông Nguyễn Đình Tiếp;

- Ông Lê Minh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Vũ Tất Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2017/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/HSST – QĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ LÊ TRUNG L, sinh năm 1984 tại tỉnh H;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Mỹ L, xã Phú M, huyện Phú V, tỉnh H; chỗ ở: 38/6L ấp Đ, xã Đ, huyện M, thành phố M; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Lê Trung L (sinh năm 1963) và bà Lê Thị L (sinh năm 1965); vợ Lê Thị B (sinh năm 1985); có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 08/4/2016 (có mặt)

2/ HUỖNH VĂN T (L), sinh năm 1985 tại thành phố M;

Hộ khẩu thường trú: đường P, thị trấn B, huyện B, thành phố M; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: không; con ông Huỳnh Văn Q (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1959); vợ Phạm Thị C (sinh năm 1987); có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không,

Bị cáo bị bắt ngày 05/4/2016 (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo: Ông Lê Biên P thuộc Văn phòng luật sư Gia H – Đoàn luật sư tỉnh T bào chữa cho các bị cáo theo yêu cầu của Tòa án (có mặt).

- Bị hại:

1. Cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/4/2013 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980.

- *Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Đức H:*

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Thái M, sinh năm 1974 (là cha mẹ của cháu H)

Cùng trú tại đường C, phường 8, Tp T, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị L là đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; trú tại đường N, xã X, huyện B, Tp M. (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Tuấn N, sinh năm 1979; trú tại đường B, phường 10, Quận 4, Tp M (vắng mặt)

2. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1976; trú tại trung tâm thương mại thành phố T (có mặt).

- *Người có nghĩa vụ liên quan:* Bà Đào Thị Thu T, sinh năm 1981; trú tại đường Đ, phường T, Quận K, Tp N; chỗ ở: đường V, phường T, quận K, Tp H (vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bà Đào Thị Thu T:*

Bà Phan Thị Lam H và bà Mai Bích N- Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Đ-Đoàn luật sư thành phố N (có mặt).

- *Hội đồng giám định pháp y tâm thần:*

1. BSCKII Bùi Thế H – Chủ trì – Viện trưởng (vắng mặt).

2. BSCKII Lê Văn H – GĐV – Thư ký – TK. Khoa Giám định (có mặt).

3. BSCKII Nguyễn Hữu T – GĐV – Phó Viện trưởng (vắng mặt).

4. BSCKII Nguyễn Thành C- GĐV- TK. Khoa truyền nhiễm (có mặt).

5. BSCKII Trần Hữu H - GĐV- PT .Khoa Điều trị bắt buộc Nam.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi cố ý truyền HIV cho người khác:

Vào khoảng tháng 01/2014, do Đào Thị Thu T nhận được nhiều tin nhắn điện thoại nặc danh với nội dung bạn trai của T có quan hệ tình cảm và có con chung với bà Nguyễn Thị L, nên T có ý định thuê người xác minh thông tin trên và theo dõi gia đình bà L. T tìm gặp và thuê Lê Trung L theo dõi gia đình bà L với giá 20.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng. Việc trao đổi thông tin bằng hình thức L gửi tài liệu thu thập được trong quá trình theo dõi gia đình bà L cho T qua dịch vụ bưu chính theo địa chỉ đường Nguyễn K, phường T, quận M, thành phố N. Sau khi theo dõi, L đã gửi cho T một số thông tin, hình ảnh về gia đình bà L và con của bà L là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/4/2013.

Khoảng 01 tháng sau, T gọi điện thoại thuê L lấy mẫu tóc hoặc móng tay của cháu H để T xét nghiệm ADN với số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, L đến nhà bà L giả làm nhân viên tiếp thị sữa Vinamilk để tiếp cận cháu H lấy mẫu móng tay của

cháu H gửi cho T. T đã trả tiền cho L thông qua tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0441000626888 mang tên Lê Trung L.

Khoảng tháng 4/2015, T có ý định muốn hại cháu Nguyễn Đức H nên hẹn gặp L để bàn các phương án như: bắt cóc cháu H bỏ vào chùa hoặc gây tai nạn giao thông đối với cháu H hoặc T sẽ ôm cháu H lao vào xe tự tử... Sau khi bàn bạc, T đồng ý thuê L bắt cóc cháu H bỏ vào chùa với giá 240.000.000 đồng. L rủ thêm đối tượng tên T (chưa rõ lai lịch, nhân thân) cùng tham gia. T đã chuyển qua tài khoản ngân hàng cho L số tiền 240.000.000 đồng. Theo L khai thì L đã đưa cho T số tiền 120.000.000 đồng để thực hiện việc bắt cóc cháu H nhưng sau đó T nói với L là không thực hiện được và không trả lại tiền cho L rồi bỏ đi đâu không rõ.

Khoảng tháng 5/2015, T hẹn gặp L tại thành phố M. T tiếp tục nói cho L về ý định muốn hại cháu Nguyễn Đức H. L rủ bạn là Huỳnh Văn T cùng tham gia. Sau khi bàn bạc, L và T nói với T phương án sử dụng kim tiêm có máu của người nhiễm bệnh HIV chích vào người cháu H. T đồng ý. Sau đó, T nói cho L biết vào ngày 01/6/2015, Công ty của bà L có tổ chức buổi liên hoan Quốc tế thiếu nhi cho các cháu thiếu nhi nên cháu H sẽ đến chơi. T, L và T bàn bạc sẽ chuẩn bị 02 bộ quần áo thú bông để cải trang đến Công ty bà L tiếp cận, chích kim tiêm có máu người nhiễm bệnh HIV vào người cháu H. Đến cuối tháng 5/2015, T cùng L và T thuê nhà nghỉ “N” tại số 150 đường H, phường 12, quận B, thành phố M để bàn bạc việc tìm máu người nhiễm HIV cũng như cách thức lấy máu người nhiễm HIV ra ngoài môi trường mà không bị đông và phải làm sao khi chích kim tiêm vào người cháu H mà cháu H không biết. L đặt mua 02 bộ quần áo thú bông, T mua 01 bộ dụng cụ thử đường huyết (có hình dạng giống cây bút, một đầu có kim nhỏ) mang đến nhà nghỉ. Để thử nghiệm, T rút máu của mình cho lần lượt vào từng lọ nước lã, lọ nước muối và lọ nước mắt. Kết quả cho thấy khi cho máu người vào lọ nước muối thì máu không đông. T, L và T thống nhất việc lấy máu người nhiễm HIV bỏ vào lọ nước muối để bảo quản rồi sử dụng chích vào người cháu H.

Sáng ngày 01/6/2015, thông qua người quen, T gặp ông Trần Tuấn N, sinh năm 1979, HKTT: đường B, phường 10, quận 4, thành phố M nhờ tìm người bị nhiễm HIV để mua máu với lý do nghiên cứu làm luận văn tốt nghiệp. Ông N giới thiệu T đến gặp một đối tượng nghiện ma túy (không rõ lai lịch, địa chỉ) và cho rằng đối tượng này đã bị nhiễm HIV. T mua của đối tượng này 01 ống xi lanh máu với giá 1.000.000 đồng. Sau đó, T đến cửa hàng thuốc tây trên đường T, thành phố M mua một bộ dụng cụ thử máu rồi cùng L mang theo 02 bộ quần áo thú bông đi xe máy từ thành phố M đến Công ty của bà L tại đường 3/2, thành phố T, tỉnh T. Khoảng 18 giờ cùng ngày, L và T mặc quần áo thú bông để cải trang và cầm kim tiêm nhiễm máu người bị HIV đi vào Công ty của bà L tìm cháu H. Do cháu H không đến tham gia buổi tiệc nên L và T đi về. Sau đó, L gọi điện thoại báo cho T biết.

Ngày 08/6/2015, T gọi điện thoại thuê L và T đến thành phố T tiếp tục thực hiện việc chích kim tiêm có máu của người bị nhiễm HIV vào người cháu H. Thông qua ông N, T mua máu của một đối tượng (chưa rõ lai lịch địa chỉ) mà T cho rằng đối tượng này bị nhiễm HIV tại khu vực quận 4, thành phố M với giá 200.000 đồng. T đến tiệm thuốc tây mua một bộ dụng cụ thử đường huyết như lần trước. Sau đó, L và T đi xe mô tô biển số 54R3 – 4355 từ thành phố M đến thành

phố T, tỉnh T. Sáng ngày 09/6/2015, L điều khiển xe mô tô chở T đến trước cổng trường mầm non “V” tại số đường C, phường 8, thành phố T. L dựng xe đứng ở ngoài đường, còn T mang theo kim tiêm có máu người nhiễm HIV chuẩn bị sẵn đứng ở cổng trường mầm non “V” chờ gia đình bà L đưa cháu H đến trường học. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, khi thấy bà L cõng cháu H trên lưng đi bộ từ nhà đến trường mầm non “V” thì L ra hiệu cho T biết. T đi đến sát bà L dùng kim tiêm có máu người nhiễm HIV chích vào chân phải cháu H rồi cùng L nhanh chóng tẩu thoát. Phát hiện chân của cháu H bị chảy máu và nghi ngờ do bị kim tiêm chích nên bà L liền đưa cháu H đến bệnh viện kiểm tra sức khỏe, tiêm thuốc chống phơi nhiễm HIV, đồng thời trình báo vụ việc cho Công an phường 8, thành phố T.

Sau khi gây án, L gọi điện thoại báo cho T biết đã thực hiện xong việc chích kim tiêm có máu người nhiễm HIV vào người cháu H. T yêu cầu L chuyển kim tiêm trên cho T thông qua dịch vụ bưu chính để T kiểm tra. Sau khi nhận được kim tiêm do L gửi, T chuyển qua tài khoản ngân hàng cho L số tiền 120.000.000 đồng. Số tiền này, L và T chia nhau mỗi người 60.000.000 đồng tiêu xài hết.

Quá trình điều tra, Đào Thị Thu T, Lê Trung L và Huỳnh Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo đề nghị của Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại văn bản số 73/PC81B ngày 16/6/2016 và đơn yêu cầu của gia đình bà Đào Thị Thu T, Cơ quan CSĐT(PC44) Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định trưng cầu giám định số 29/QĐ-PC44 ngày 21/6/2016 yêu cầu giám định tâm thần đối với Đào Thị Thu T.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 324/KL-VPYTW ngày 03/8/2016 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối với Đào Thị Thu T như sau:

“- Về y học: + Trước, trong và sau khi gây án: Đang sự bị bệnh **Trầm cảm nặng có triệu chứng loạn thần (F32.3 – ICD.10).**

+ Hiện nay: Đang sự bị bệnh **Giai đoạn trầm cảm vừa (F32.1 – ICD.10).**

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: **Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đang sự không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.**” (BLĐT số 91, 92).

Ngày 04/8/2016, Viện KSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Đào Thị Thu T.

Ngày 27/9/2016, Viện pháp y tâm thần Trung Ương Biên Hòa có Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 406/KLBB-VPYTW kết luận đối với Đào Thị Thu T như sau:

“Bị bệnh: **Giai đoạn trầm cảm vừa (F32.1 – ICD.10).**

Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa.

Đề nghị:

Viện KSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định đình chỉ điều trị bắt buộc cho đương sự. Đồng thời gửi quyết định này đến Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cử người đến đón đương sự về tiếp tục theo dõi, quản lý và điều trị tại cộng đồng.”

Ngày 28/9/2016, Viện KSND tỉnh ra Quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Đào Thị Thu T.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đào Thị Thu T vắng mặt theo Giấy chứng nhận của Bệnh viện tâm thần Trung ương I do đang điều trị bệnh rối loạn cảm xúc giai đoạn trầm cảm nặng. Bị cáo Lê Trung L và Huỳnh Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người đại diện hợp pháp bị hại cho cháu Nguyễn Đức H là bà Nguyễn Thị L đồng ý với bản cáo trạng đề nghị xử phạt các bị cáo theo pháp luật, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và không có ý kiến gì về kết luận giám định tâm thần đối với bà Đào Thị Thu T.

2. Hành vi Cưỡng đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị L:

Huỳnh Văn T biết được một số thông tin về gia đình bà Nguyễn Thị L thông qua Lê Trung L và Đào Thị Thu T nên có ý định cưỡng đoạt tài sản của bà L. Ngày 03/4/2016, T tự viết tay vào một tờ giấy học sinh với nội dung: *Vững Tàu ngày 03/4/2016. Chào chị: mình là bằng chứng sống cho cái việc đã gây ra rắc rối của chị từ 3 năm trước tới nay và sắp tới sẽ có một vụ vô cùng lớn do bàn tay người khác đang sắp đặt cố tình muốn hại chị và gia đình chị nhất là với thằng nhóc con nhà chị. Nếu chị muốn đối phó và tránh né mình có thể sẵn sàng hợp tác với chị. Và đây là bí mật chị không nên nói bất cứ ai kể cả gia đình chị. Bởi vì những người xung quanh chị đã và đang có thể bán đứng chị. Nếu chị không tin hãy coi đây là lời cảnh báo trước dành cho chị. Bởi vụ này số tiền người đó thuê để hại chị lên đến 1 tỷ. Ngày mai đúng 10h sáng chị có thể liên lạc với mình để tìm ra phương án đối phó. Còn chị sợ thì xin lỗi đã làm phiền. 01217576916.* Sau đó, T mang tờ giấy viết tay trên đến đưa trực tiếp cho bà L tại nhà. Lo sợ nên bà L nhắn tin vào số điện thoại trên liên lạc với T. T nhắn tin yêu cầu bà L đưa cho T số tiền 150.000.000 đồng thì T sẽ sắp xếp, thỏa thuận để gia đình bà L không bị người khác gây hại. Để tiếp tục đe dọa, T nhắn tin vào máy điện thoại của bà L với nội dung: *Nói thẳng cho bạn biết tôi là người đã lấy mẫu ADN của con trai bạn cách đây khoảng 2,5 năm và được xác nhận giống ADN của một người. Rất tiếc không phải con của anh M (anh M là tên chồng của chị L). Chị L sợ ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và tính mạng, sức khỏe của người thân nên đồng ý gặp T để đưa tiền theo yêu cầu của T. T gọi điện thoại hẹn gặp bà L tại Trung tâm thương mại thành phố R, tỉnh T và yêu cầu bà L đưa trước cho T một số tiền. Khoảng 20 giờ 20 ngày 05/4/2016, T điều khiển xe mô tô biển số 67M6 – 9777 đến khu vực dưới chân cầu vượt dành cho người đi bộ thuộc phường Phước Trung, thành phố R gặp bà L. Bà L đưa cho T số tiền 10.600.000 đồng và 200 USD. Sau khi T lấy số tiền trên của bà L thì bị Cơ quan điều tra thành phố T bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật (BLĐT 257, 258).*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Huỳnh Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 970/PC54 ngày 22/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: Hai tờ tiền loại 100 USD do Cơ quan điều tra thu giữ nêu trên là thật (BLĐT số 235).

Tại văn bản số 1050/BRI-TH&KSNB ngày 26/7/2016 của Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định tỷ giá 1 USD tại thời điểm ngày 05/4/2016 là 21.853 VNĐ (BLĐT số 237).

Số tiền Huỳnh Văn T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L tổng cộng là 10.600.000 đồng + (21.853 x 200) đồng = 14.970.600 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 67M6 – 9777 (kèm giấy đăng ký xe); số tiền 10.600.000 đồng và 200 USD (BLĐT số 258).

- 01 USB (BLĐT số 261);

- 01 xe mô tô biển số 54R3 – 4355 (kèm giấy đăng ký xe); 01 điện thoại di động Iphone 5; 01 điện thoại di động LG; 01 giấy CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Trung L (BLĐT 287);

- 60 tấm hình do chị Nguyễn Thị L giao nộp (BLĐT 284, 285);

- 01 con dấu của công ty dịch vụ thông tin Phi Ứng; 01 camera mini hiệu Guinnes; 01 đèn pin hiệu Police màu đen; 01 gậy bằng sắt màu trắng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung (BLĐT 288);

- 01 điện thoại di động Iphone 6 có gắn 01 sim điện thoại số 0916558558 của Đào Thị Thu T (BLĐT số 290);

* Kết quả xác minh:

- Chiếc xe mô tô biển số 67M6 – 9777 do bà Nguyễn Thị L đứng tên đăng ký. Bà L đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người không rõ lai lịch, địa chỉ. Năm 2004, bà Trần Thị P, sinh năm 1988, trú tại: đường N, xã X, huyện B, thành phố M mua lại chiếc xe trên tại một tiệm cầm đồ (không rõ địa chỉ) rồi bán lại cho bà Nguyễn Thị T (mẹ của T), sinh năm 1959, HKTT: đường N, xã X, huyện B, thành phố M nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bà T không biết T sử dụng chiếc xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội (BLĐT 238 đến 246).

- Chiếc xe mô tô 54R3 – 4355 do ông Hồ Văn S, địa chỉ: đường Đ, quận N, thành phố M đứng tên đăng ký. Hiện ông S đã bỏ đi khỏi địa phương, không có mặt tại địa chỉ trên (BLĐT 250 đến 253). Theo L khai thì chiếc xe mô tô trên L mua lại của một người không rõ lai lịch, địa chỉ (giấy viết tay mua bán đã thất lạc).

Bị hại Nguyễn Thị L yêu cầu được nhận lại số tiền 10.600.000 đồng và 200 USD đã bị thu giữ.

Các bị cáo Lê Trung L, Huỳnh Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố tại bản cáo trạng số 05/VKS – P2 ngày 27 tháng 12 năm 2016 cụ thể:

Truy tố:

Lê Trung L về tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” theo điểm a, c khoản 2 Điều 118 Bộ luật Hình sự;

Huỳnh Văn T về tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 118 và Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu:

Qua đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng

truy tố các bị cáo về tội danh như đã nêu trên nhưng thay đổi theo điều khoản Bộ luật hình sự 2015. Xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, c Khoản 2 Điều 149 BLHS 2015; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS 1999 xử phạt bị cáo Lê Trung L từ 09 đến 11 năm tù về tội “Cố ý truyền HIV cho người khác”

Áp dụng điểm a, c Khoản 2 Điều 149 BLHS 2015; Khoản 1 Điều 135 BLHS 1999; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33; Điều 50 BLHS 1999 xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 08 đến 10 năm tù về tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” ; từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là từ 11 đến 14 năm tù.

Luật sư Lê Biên P bào chữa cho các bị cáo Lê Trung L và Huỳnh Văn T phát biểu:

Thông nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố: Lê Trung L về tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” và truy tố Huỳnh Văn T về hai tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

Qua xem xét nội dung vụ án, diễn biến tại phiên tòa thì thấy hành vi của các bị cáo là đáng chê trách. Song cần xét cho 02 bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn; là lao động chính trong gia đình có con còn nhỏ; chỉ vì áp lực về kinh tế và nhận thức sai lầm nên các bị cáo đã phạm tội.

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo; đều có nhân thân tốt; gia đình bị cáo Lê Trung L có công với cách mạng. Quá trình lượng hình đề nghị áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội mà vận dụng Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho các bị cáo dưới mức thấp nhất của mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư Mai Bích N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đào Thị Thu T phát biểu:

Về năng lực trách nhiệm hình sự của Đào Thị Thu T: Qua xem xét hồ sơ bệnh án thể hiện bà T có những biểu hiện của người bị tâm thần; thường xuyên mất ngủ, cáu gắt, hay thờ ơ. Quá trình gây án, theo lời khai của Lê Trung L, bà T thường xuyên nói lảm nhảm và hay đòi tự tử.

Xuất phát từ đó, Hội đồng giám định pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đã xác định bà T trước, trong và sau khi gây án không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Sau khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu có Quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì bà T đi làm lại. Quá trình công tác cũng thường biểu hiện bệnh tình không phục hồi được. Hiện nay bà T vẫn còn đang điều trị tại Bệnh viện tâm thần Trung ương 1. Theo xác định của cơ quan này thì hiện nay bà T bị rối loạn cảm xúc giai đoạn trầm cảm nặng, có khả năng tự sát rất cao.

Từ đó cho thấy, Kết luận số 324/KL-VPYTW ngày 03/8/2016 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa là phù hợp và đúng pháp luật.

Các bị cáo đều đồng ý với ý kiến bào chữa của ông Lê Biên P, không phát biểu tranh luận.

Bị hại bà Nguyễn Thị L không phát biểu tranh luận chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XỬ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, tố tụng đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trung L, Huỳnh Văn T:

1. Đối với tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” do Lê Trung L và Huỳnh Văn T thực hiện:

Vì cho rằng bà Nguyễn Thị L có quan hệ tình cảm với bạn trai của mình dẫn đến hai người có con với nhau, nên vào khoảng tháng 1/2014, Đào Thị Thu T thuê Lê Trung L xác định thông tin nói trên và theo dõi mọi sinh hoạt của gia đình bà L. Sau khi biết được bà L có đứa con ruột tên là Nguyễn Đức H, sinh ngày 28/4/2013, nghi cháu H là con chung của bà L và bạn trai của mình, nên T có ý định trả thù tàn độc đối cháu H. Để thực hiện ý định đó, sau khi bàn bạc nhiều phương án khác nhau cuối cùng T đã thuê L và Huỳnh Văn T thực hiện việc chích kim tiêm có máu người nhiễm HIV vào người cháu Nguyễn Đức H.

Trong vụ án này, bị cáo L là người đưa ra nhiều phương án khác nhau để xâm hại cháu Nguyễn Đức H, cuối cùng thống nhất với Đào Thị Thu T và Huỳnh Văn T chọn phương án dùng kim tiêm có máu người nhiễm HIV chích vào người cháu H. Đồng thời bị cáo L cũng là người chuẩn bị mua quần áo thú bông để cải trang đến Công ty của chị L nhằm thực hiện tội phạm. Lần thứ nhất không thực hiện được, lần thứ hai thì thành công; Đối với bị cáo Huỳnh Văn T là người thực hiện rất đặc lực trong vai trò đồng phạm của vụ án. T là người đi liên hệ mua máu người nhiễm HIV và trực tiếp chích vào người cháu Nguyễn Đức H.

Sau khi thực hiện xong tội ác, L gọi điện thoại báo tin cho T biết và gửi kim tiêm đã sử dụng chích cháu H qua dịch vụ bưu chính cho T để kiểm tra theo yêu cầu của T. Sau đó T trả cho L số tiền 120.000.000đ. L và T chia nhau mỗi người 60.000.000đ.

Tính mạng, sức khỏe của con người là vô giá. Pháp luật nhà nước ta sẽ trừng trị những người nào có hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác. Trong vụ án này chỉ vì hám lợi, muốn có tiền hưởng thụ bất chính nên các bị cáo đã bất chấp đạo lý làm người, bất chấp pháp luật, có ý thức phạm tội đến cùng, đặc biệt là phạm tội đối với trẻ em.

Hành vi này không những đã gây phần nộ tội cùng trong quần chúng nhân dân mà còn ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, các bị cáo phải bị xử lý thích đáng tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, góp phần trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

2. Huỳnh Văn T còn thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị L. Cụ thể như sau:

Do muốn chiếm đoạt tài sản của bà L lấy tiền tiêu xài, nên từ ngày 03/04/2016 đến 05/04/2016, T tự viết một tờ giấy viết tay và nhắn nhiều tin nhắn điện thoại gửi cho bà L với nội dung đe dọa và yêu cầu bà L phải đưa cho T số tiền 150.000.000đ.

Chính vì lo sợ nên bà L đã đồng ý gặp T để đưa trước số tiền theo yêu cầu của T. Khoảng 20 giờ 20 ngày 05/4/2016, tại khu vực trung tâm thương mại thuộc phường T thành phố R, khi T nhận số tiền 10.600.000đ và 200 USD của bà L giao thì bị bắt quả tang.

Hành vi của Huỳnh Văn T được thực hiện thông qua việc bị cáo đã uy hiếp về tinh thần của bà L nhằm chiếm đoạt tài sản. Mục đích của bị cáo T chiếm đoạt của bà L là 150.000.000đ. Nhưng bị cáo chỉ chiếm đoạt được 10.600.000đ và 200 USD của bà L thì bị bắt quả tang là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Nên cần thiết phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xử án có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi của bị cáo Lê Trung L đã cấu thành tội: “Cố ý truyền HIV cho người khác” theo điểm a, c khoản 2 Điều 118 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T đã cấu thành hai tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 118 và Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội và Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì trường hợp phạm tội của các bị cáo mà theo Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015, có mức hình phạt ngang nhau nên cần phải áp dụng theo Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng khi lượng hình phải trên tinh thần Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuy nhiên, cũng cần xét các bị cáo đã thành khẩn khai báo; có nhân thân tốt để xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đối với hành vi của bà Đào Thị Thu T:

Qua vụ án xác định bà T là chủ mưu, cầm đầu xuyên suốt trong quá trình các bị cáo L và T phạm tội: “Cố ý truyền HIV cho người khác”. Mặc dù tại phiên tòa ngày 11/4/2017, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã hoãn phiên tòa và trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, tiến hành giám định

lại về sức khỏe và tâm thần của bà Đào Thị Thu T nhưng không có kết quả. Để đảm bảo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm nên Hội đồng xử án kiến nghị các cơ quan tố tụng Trung ương xem xét về trường hợp của bà Đào Thị Thu T.

* Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xử án không xem xét để giải quyết.

* Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Bị hại Nguyễn Thị L yêu cầu được nhận lại số tiền 10.600.000 đồng và 200 USD đã bị thu giữ. Xét yêu cầu này là hợp lý nên chấp nhận;

- Đối với chiếc xe mô tô (hiệu ATILA) biển số 67M6 – 9777 (kèm giấy đăng ký xe): Xét đây là tài sản của bà Nguyễn Thị T. Do bà T không biết được bị cáo Huỳnh Văn T dùng chiếc xe này để làm phương tiện thực hiện tội phạm, nên cần giao trả lại cho đương sự;

- Đối với chiếc xe mô tô (hiệu NOUVO Yamaha) biển số 54R3 – 4355: Xét đây là tài sản mà bị cáo Lê Trung L đã dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước;

- Đối với 01 USB là vật mà bị cáo L dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm nên tịch thu tiêu hủy;

- Giao trả cho bị cáo Lê Trung L:

* 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng kèm sim; 01 điện thoại di động LG; 01 giấy CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Trung L; 01 con dấu của công ty dịch vụ thông tin Phi Ứng; 01 camera mini hiệu Guinness; 01 đèn pin hiệu Police màu đen; 01 gậy bằng sắt màu trắng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung;

- Đối với 60 tấm hình do bà Nguyễn Thị L giao nộp: Đây là chứng cứ của vụ án nên lưu hồ sơ vụ án;

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 có gắn 01 sim điện thoại số 0916558558 của Đào Thị Thu T: giao trả lại cho Đào Thị Thu T;

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trung L phạm tội “Cố ý truyền HIV cho người khác”

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 118; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trung L **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/4/2016).

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn T (L) phạm tội “Cố ý truyền HIV cho người khác” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng theo điểm a, c khoản 2 Điều 118; khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T 10 (mười) năm tù về tội: “Cố ý truyền HIV cho người khác”; 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 tội buộc Huỳnh Văn T phải chấp hành là: **13 (mười ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/4/2016).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Giao trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 10.600.000 đồng và 2 tờ 100 USD (số sơ ri LB: 12682335Q – LB 12682308Q) ;

- Giao trả lại cho bà Nguyễn Thị T chiếc xe mô tô (hiệu ATILA) biển số 67M6 – 9777, SM = SK: 32390 (kèm giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L);

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô (hiệu NOUVO Yamaha) biển số 54R3 – 4355 SM: 5P11-086562, SK: RLCN 5P 1109 Y086570 do đây là tài sản mà bị cáo Lê Trung L đã dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm;

- Tịch thu tiêu hủy 01 USB là vật mà bị cáo Lê Trung L dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm;

- Giao trả cho bị cáo Lê Trung L: 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng kèm sim; 01 điện thoại di động LG X330 màu đen kèm sim; 01 giấy CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Trung L; 01 con dấu của công ty TNHH DV thông tin Phi Ứng; 01 camera mini hiệu Guinnes; 01 đèn pin hiệu Police màu đen; 01 gậy bằng sắt màu trắng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung;

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 có gắn 01 sim điện thoại số 0916558558 của Đào Thị Thu T: giao trả lại cho bà Đào Thị Thu T;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 25/BB-THA ngày 01/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu và biên lai thu tiền số: TT/2012/0007770 ngày 01/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu).

- Đối với 60 tấm hình do bà Nguyễn Thị L giao nộp: Đây là chứng cứ của vụ án nên lưu hồ sơ vụ án (đang lưu tại hồ sơ vụ án);

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo Lê Trung L và Huỳnh Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2017), bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị hại, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam CA tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Cục Thi hành án DS tỉnh BR-VT;
- Các bị cáo;
- Đại diện hợp pháp bị hại, bị hại;
- Luật sư;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Trần Văn Vui